

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/10/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+RP3	7:25	17+1	0+0		16+6	0+0	
2		JS2+TD3+CTK3	9:25	1+18	0+0		0+20	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14-Oct-17	TO: TD5 - RP3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hôi - Linh - THỤ	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐẠI QUÂN	TD5	35	1	8		90	KHOAN	Vietnamese
2	VÕ NGUYỄN KHANG	TD5	24-25	2	8		84	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN CHIẾN	TD5	39	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM ĐÌNH THỤ	TD5	28	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
5	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	33	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
6	TÔ THANH HÙNG	TD5	38	1	6		56	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN CAO KHÁNH	TD5	29	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN MINH CÔNG	TD5	41	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN SY LONG	TD5	30	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẶNG VĂN HÒN	TD5	36	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
11	BUI ĐỨC TOÀN	TD5	27	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
12	HOÀNG NGỌC DANH	TD5	37	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
13	ĐINH ĐỨC KIẾN	TD5	40	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
14	LƯU QUANG ĐẠT	TD5	34	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
15	DOAN XUAN DUONG	TD5	26	1	8		62	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAN THANH TÀI	TD5	43	1	8		67	DVL	Vietnamese
17	TRẦN VIỆT HỒ	TD5	42	1	15	20	70	DVL	Vietnamese
18	DINH VU TIEN	TD5	21	1	13		74	XAYLAP	Vietnamese
19	DANG HUU PHUOC	TD5	22-23	2	17	40	67	XAYLAP	Vietnamese
20	BUI TRONG VINH	TD5	19	1	16	15	70	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TRAN	TD5	31-32	2	17		64	XAYLAP	Vietnamese
22	LUONG ĐỨC GIANG	RP3	12	1	10		75	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	21	24	172	1.480	75	15		
2	RP3	1	1	10	75	0	7		
TOTAL		22	25	182	1.555	75	22		
WEIGHT KG				182	1.555	75			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

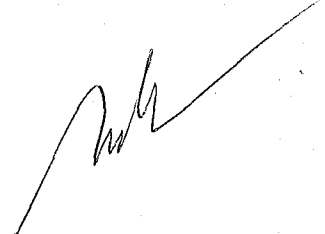
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14-Oct-17	TO: JS2 - TD3 - CTK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hồi - Linh - THỤ	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZOLALOV	JS2	81	1	10		102	KHOAN	Russian
2	SOROKA A.S	TD3	63-64	2	10		140	KHOAN	Russian
3	ĐO MẠNH HA	TD3	67	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ HỒNG QUÂN	TD3	69-70	2	5		63	YTE	Vietnamese
5	KORIAKOV A.S	TD3	58	1	6		63	KHOAN	Russian
6	GOLOVIN G.B	TD3	65	1	10		109	KHOAN	Russian
7	VUÔNG HỮU QUỐC THAI	TD3	68	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ NGỌC HA	TD3	72	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3					72	KHOAN	Vietnamese
10	TRỊNH DUY SƠN	TD3	71	1	6		83	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẶNG ĐÌNH ĐÌNH	TD3					63	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN TRỌNG BANG	TD3	74	1	12		67	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN HƯƠNG	TD3	61	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN HOÀNG NAM	TD3	75	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	73	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
16	HOÀNG THANH TU	TD3					67	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM HAI ĐĂNG	TD3					80	KHOAN	Vietnamese
18	SALAKHOV	TD3	66	1	13		82	ANTOAN	Russian
19	VŨ THANH HỒNG	TD3	77-78	2	12		60	T-TIN	Vietnamese
20	NGUYỄN TRẦN VINH	TD3	76	1	14		67	XAYLAP	Vietnamese
21	DUƠNG MINH HOÀNG	TD3	62	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN DINH PHU	TD3	59-60	2	15		80	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	1	1	10	102	0	0		
2	TD3	21	21	148	1.586	0	21		
3	CTK3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	22	158	1.688	0	22		
WEIGHT KG				158	1.688	0			

GRAND TOAL: 1.846 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/10/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RCDM+RP2+CNV	7:25	1+3+10	0+0+0		0+8+14	0+0+0	
2		BK9+CTK3	7:25	7+15	0+0		5+17	0+0	
3		PPD+BK14	7:25	15+7	0+0		12+10	0+0	
4		TD2+AMD	7:25	16+6	0+0		16+6	0+0	
5		CTK3+BK14	9:25	21+0	0+0		18+4	0+0	
6		VSP02+P4	9:25	22+0	0+0		14+8	0+0	
7		RP1+VSP02	9:25	4+18	0+0		2+20	0+0	
8		AMD+TGTH5	9:25	18+1	0+0		18+4	0+0	
9		BK5+PPD	11:25	4+17	0+0		0+22	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/10/2017	TO: RCDM - RP2 - CNV	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Phong - TRƯỜNG - THỤ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA VAN CANH	RCDM	99	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN DAI DUONG	RP2	05	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN HUU TUYEN	RP2	06	1	8	15	58	DIAVATLY	Vietnamese
4	NGUYEN VAN HIEN	RP2	07	1	5		73	DIAVATLY	Vietnamese
5	TRAN ANH HUNG	CNV	05	1	9	110	75	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH VAN SON	CNV	01	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
7	PHUNG VAN KHANH	CNV	02	1	9		73	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN NGOC TRI	CNV					70	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG DINH VINH	CNV	03	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN NAM TRUNG	CNV	06	1	7		88	KH-THAC	Vietnamese
11	TRINH LE HUY	CNV	07	1	10	102	63	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN NANG	CNV	04	1	7		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	1	1	10	62	0	0		
2	RP2	3	3	18	201	15	8		
3	CNV	8	7	54	588	212	14		
TOTAL		12	11	82	851	227	22		
WEIGHT KG				82	851	227			

GRAND TOAL: 1.160 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13-Oct-17	TO: BK9 - CTK3	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Bằng - PHU.HL - Cường	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ANH TUÂN	BK9	06-07	2	10		82	KH-THAC	Vietnamese
2	LUU VAN SON	BK9	05	1	6	60	78	KH-THAC	Vietnamese
3	VÔ THE HẬU	BK9	20	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN TRUNG KIẾN	BK9					70	KH-THAC	Vietnamese
5	TÔ TIẾN HÙNG	BK9	04	1	10		78	CODIEN	Vietnamese
6	BUI VĂN MINH	BK9	02	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
7	BUI ĐỨC KHANH	BK9	03	1	5		56	PSV	Vietnamese
8	PHẠM ĐẠI PHONG	CTK3	01-02	2	17		67	YTE	Vietnamese
9	PHAM MINH DUC	CTK3	15	1	5		80	PSV	Vietnamese
10	LUU MINH ĐỨC	CTK3	20-21	2	10		58	DNV.GL	Vietnamese
11	NGUYỄN CÔNG KHANH	CTK3	08	1	7		80	ĐK9	Vietnamese
12	NGUYỄN HOANG ANH	CTK3	16-17	2	15		70	VIỆT PHÁT	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	CTK3				40	70	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI THE DIEN	CTK3	10	1	5	13	67	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI TIEN DUNG	CTK3	07	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN TRUNG HIEU	CTK3	03-05	3	17		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ANH ĐỨC	CTK3	13	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	09	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI VĂN BÁC	CTK3					55	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	11	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN THẮNG	CTK3	12	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN NHUẬN	CTK3	06	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

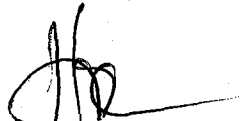
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	7	7	48	504	60	5		
2	CTK3	15	18	104	1.013	53	17		
TOTAL		22	25	152	1.517	113	22		
WEIGHT KG				152	1.517	113			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/10/2017	TO: PPD - BK14	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LHM - KHM - HIEU	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE XUAN MINH	PPD	15	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
2	LE HONG DAN	PPD	01	1	5		76	YTE	Vietnamese
3	LE TRI HAO	PPD	12-13	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC CU	PPD	08	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DINH THANG	PPD	06	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VAN THANG	PPD	05	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH TRUNG	PPD	17	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
8	LE SY KHOA	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN DANH TUAN	PPD	07	1	5	17	64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HUY HOANG	PPD					82	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH NAM	PPD	10-11	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
12	TRINH VAN NHA	PPD	03-04	2	6		70	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG NHAT QUANG	PPD	14	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRUONG SON	PPD	02	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN VAN VINH	PPD	09	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
16	IAKIMIDI	BK14	35	1	10		84	KH-THAC	Russian
17	LE ANH TUAN	BK14	40	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
18	LUONG XUAN THANH	BK14	38	1	6	80	75	KH-THAC	Vietnamese
19	TRUONG VAN HAI	BK14	36	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VIET LONG	BK14	39	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI MINH HAI	BK14	46	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM NGOC NINH	BK14	37	1	5		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	15	16	71	1.043	17	12		
2	BK14	7	7	43	535	80	10		
TOTAL		22	23	114	1.578	97	22		
WEIGHT KG				114	1.578	97			

GRAND TOAL: 1.789 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/10/2017	TO: TD2 - AMD	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Khang - CHIÊN - NNam	ETA: 09:30
TRANG-1			

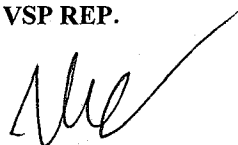
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN MẠNH	TD2	94	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
2	ĐÌNH DUY HAI	TD2	87	1	10	4	70	KHOAN	Vietnamese
3	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	82-83	2	5	35	67	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN CÔNG HIẾN	TD2	86	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	HỒ VĂN HÙNG	TD2	92	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN VĂN TỰ	TD2	81	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN QUANG	TD2	80	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN MINH	TD2	90	1	9		64	KHOAN	Vietnamese
9	CAO VĂN QUYẾT	TD2					75	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HÙNG	TD2	84	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
11	LE VINH THUẬT	TD2	85	1	3		82	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	89	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
13	ĐOÀN VĂN KHUU	TD2	91	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN TRỌNG TIẾN	TD2	93	1	12		79	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG ANH	TD2	88	1	9		70	ANTOAN	Vietnamese
16	TRẦN VĂN LỰC	TD2	79	1	10		92	PSV	Vietnamese
17	TRẦN ĐẠI NGHĨA	AMD	27-29	3	15		67	KH-THAC	Vietnamese
18	TRƯƠNG THE HIẾN	AMD	26	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN LÊ HÒA	AMD	22	1	6	50	62	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	23	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN HIỆU THẢO	AMD	25	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN XUÂN THUY	AMD	24	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	16	16	103	1.126	39	16		
2	AMD	6	8	46	391	50	6		
TOTAL		22	24	149	1.517	89	22		
WEIGHT KG				149	1.517	89			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13-Oct-17	TO: CTK3 - BK14	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: PHU.HL - Bằng - Cường	ETA: 11:10
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN VĂN THIÊM	CTK3	27	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO THẾ HÙNG	CTK3					78	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÌNH QUANG HOÀN	CTK3					65	KH-THAC	Vietnamese
4	HOÀNG VIỆT HÙNG	CTK3	28	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	CTK3	26	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU SỸ	CTK3	36	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG THIỆU THANH	CTK3	30	1	11	20	82	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ QUY HOÀNG	CTK3	34	1	5	35	71	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG ĐỨC HAI	CTK3	25	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ QUANG HAI	CTK3	33	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3	22	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	31	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM MINH DŨNG	CTK3	29	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ TRƯỜNG AN	CTK3	32	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	CTK3	37	1	10		55	CODIEN	Vietnamese
16	MAI ĐÌNH KHANG	CTK3	40	1	5		51	CODIEN	Vietnamese
17	PHẠM THAI SƠN	CTK3	38-39	2	15	13	55	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN TRUNG PHONG	CTK3	36	1	7		68	CODIEN	Vietnamese
19	LÊ MẠNH HÙNG	CTK3	24	1	7		70	ANTOAN	Vietnamese
20	HOÀNG THAI LONG	CTK3	23	1	3		59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

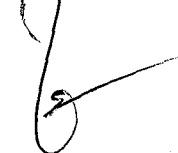
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	20	19	107	1.329	68	18		
2	BK14	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		20	19	107	1.329	68	22		
WEIGHT KG				107	1.329	68			

GRAND TOAL: 1.504 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/10/2017	TO: VSP02 - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Khang - CHIẾN - NNam	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	EDUARD YANDYAN	VSP02	24	1	10	45	84	KH-THAC	Russian
2	ĐẶNG BA ĐIỀU	VSP02	26	1	2		60	YTE	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN QUÂN	VSP02	21	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN HIỆP	VSP02	14	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRƯƠNG HIẾN	VSP02	64-65	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN BÁC	VSP02	32	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN MINH TUÂN THỊNH	VSP02	25	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG MẠNH THĂNG	VSP02	22	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN LÊ MINH TUÂN	VSP02	20	1	4		94	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI ANH SƠN	VSP02	18	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG VIỆT THÀNH	VSP02	31	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN LƯƠNG HÀ	VSP02	23	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN SAU	VSP02	28	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN HIỆP	VSP02	16	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP02	27	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN GIA KHANH	VSP02	17	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	29-30	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	VSP02					75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP02	19	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN THẾ CƯỜNG	VSP02	63	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN BÌNH	VSP02	15	1	2		69	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐỖ DUY HOÀN	VSP02	33	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	22	23	117	1.596	45	14		
2	P4	0	0	0	0	60	8		
TOTAL		22	23	117	1.596	105	22		
WEIGHT KG				117	1.596	105			

GRAND TOTAL: 1.818 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/10/2017	TO: RP1 - VSP02	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: LHải - VThắng - HIẾU	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG ĐÌNH	RP1	01	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese
2	HOANG ANH THÂN	RP1	02-03	2	18	18	74	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐOÀN HÀ	RP1	05	1	13		90	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN KHA	RP1	04	1	18		75	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02					68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC CHIÊN	VSP02	42	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN THANH MAI	VSP02	43	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
8	LƯƠNG QUANG TUYẾN	VSP02	37	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUAN QUANG	VSP02	45	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM HUU ĐẠT	VSP02	40	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ QUANG HUY	VSP02	41	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THẾ VINH	VSP02	38	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN GIA LONG	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN HUNG	VSP02	44	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN TOÀN	VSP02	50	1	5		73	CODIEN	Vietnamese
16	HỒ CHIÊN THẮNG	VSP02	46	1	6		60	CODIEN	Vietnamese
17	VŨ MẠNH ĐIỆP	VSP02	53-54	2	10		70	CODIEN	Vietnamese
18	HOANG HUU TRỌNG	VSP02	49	1	5		63	CODIEN	Vietnamese
19	LƯU VĂN DÂN	VSP02	51	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
20	PHẠM XUAN HAI	VSP02	47-48	2	10		68	CODIEN	Vietnamese
21	LÊ ANH TUẤN	VSP02	52	1	6		70	CODIEN	Vietnamese
22	ĐO KHAI MINH	VSP02	39	1	8		72	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

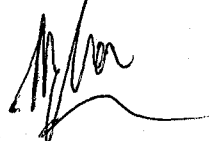
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	4	5	60	309	18	2		
2	VSP02	18	18	108	1.251	0	20		
TOTAL		22	23	168	1.560	18	22		
WEIGHT KG				168	1.560	18			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/10/2017	TO: AMD - TGTH5	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Phong - TRƯỜNG - VTHU	ETA: 11:30
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BA QUÂN	AMD	42-43	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO QUANG HUAN	AMD	48	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VAN PHANG	AMD	34	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VIỆT ĐỨC	AMD	40	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	VÔ TRUNG HIỆU	AMD	33	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
6	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	41	1	7	20	66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	AMD	35	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC NHA	AMD	39	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOÀN TÂN TRI	AMD	38	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	36-37	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
11	CHU ĐỨC CHI	AMD	46-47	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
12	DƯƠNG MẠNH PHU	AMD	44	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM HAI DƯƠNG	AMD	45	1	10		56	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN VŨ	AMD	50	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO KIM LAM	AMD	52	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
16	LE BA TU	AMD	51	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM HUYNH CUONG	AMD	53-54	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
18	VU HUU QUYET	AMD	49	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
19	THAI THANH THAO	TGTH5	49	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

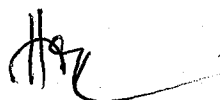
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	18	22	158	1.248	20	18		
2	TGTH5	1	1	10	72	0	4		
TOTAL		19	23	168	1.320	20	22		
WEIGHT KG				168	1.320	20			

GRAND TOAL: 1.508 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/10/2017	TO: BK5 - PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - THU	ETA: 13:10
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM NGOC LINH	BK5	51	1	6	20	90	XAYLAP	Vietnamese
2	DO VAN CONG	BK5	54	1	5		75	XAYLAP	Vietnamese
3	DO QUANG TAO	BK5	53	1	6		72	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐANG VAN DAN	BK5	52	1	5		62	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐOAN VAN THUAN	PPD	71	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN QUY	PPD	76	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	TÔ QUANG HUY	PPD	75	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN MANH HUNG	PPD	65	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HUU THANH	PPD	72	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
10	FROLOV	PPD	78	1	10		77	KHI	Russian
11	NGUYEN NGOC KHUYEN	PPD	77	1	5		75	KHI	Vietnamese
12	LE QUANG NINH	PPD				86	65	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN BAU	PPD	74	1	4		60	ANTOAN	Vietnamese
14	LE XUAN TUNG	PPD	69	1	5		60	ANTOAN	Vietnamese
15	TRAN DINH KHOA	PPD	64	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
16	LE VIET QUANG	PPD	67-68	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN DUC TRONG	PPD	80	1	5		60	PSV	Vietnamese
18	TRAN VAN DUC	PPD					50	PSV	Vietnamese
19	LE XUAN ĐAM	PPD	70	1	5		70	PSV	Vietnamese
20	TRAN VIET BINH	PPD	66	1	4		60	PSV	Vietnamese
21	DAU DUC NGOC	PPD	73	1	7		90	PSV	Vietnamese
22	DO XUAN HA	PPD	79	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	4	4	22	299	20	0		
2	PPD	18	17	110	1.222	86	22		
TOTAL		22	21	132	1.521	106	22		
WEIGHT KG				132	1.521	106			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN